



CHI BỔ SUNG CỎ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Stt		Tổng số	Trong đó, bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố:										
			Quy Nhơn	An Nhơn	Tuy Phước	Tây Sơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	Vân Canh	Vinh Thạnh	An Lão
	Trong đó:	1.041.379	110.778	123.678	114.015	107.749	91.459	110.516	113.960	148.404	34.798	34.527	51.495
1	Thực hiện chính sách cấp bù thủy lợi phí	68.937	1.974	5.521	4.732	6.647	10.301	14.036	9.785	11.342	695	1.491	2.413
2	Thực hiện Luật người cao tuổi, khuyết tật và chính sách bảo trợ xã hội	315.320	31.090	39.510	44.830	25.190	35.000	43.710	19.500	57.530	5.710	6.700	6.550
3	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa	46.488	967	6.531	7.054	5.025	7.837	7.530	3.666	5.235	564	1.006	1.073
4	Mua dầu diesel và chi phụ cấp cho người vận hành máy	519								428		91	
5	Lễ hội văn hóa miền biển	900	270		120		180	150		180			
6	Chi công tác đảm bảo an toàn giao thông	5.000	850	500	500	500	500	500	400	500	250	250	250
7	Chi tiếp xúc cử tri, hỗ trợ sinh hoạt Tổ Đại biểu HĐND tỉnh	876	114	90	72	80	102	106	80	98	38	46	50
8	Bổ sung chi cho Ban Thanh tra nhân dân (do tăng mức chi từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng)	477	63	45	39	45	54	57	45	51	21	27	30
9	Chi bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đến mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng	145.267		6.202	20.649	36.282		5.283	30.223	26.074	6.164		14.390
10	Hỗ trợ chi giám sát, phân biên xã hội	1.355	130	100	90	140	115	120	140	110	120	140	150
11	Chi hỗ trợ cho đô thị loại V của các xã, thị trấn	13.000			2.000	1.000	2.000	3.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
13	Chi sửa chữa, nâng cấp trường lớp học; mua sắm trang thiết bị dạy học	140.000	17.000	15.000	15.000	13.000	15.000	15.000	17.000	15.000	6.000	6.000	6.000
14	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình "Sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non"	7.485	331	390	487	454	826	921	505	818	910	919	924
15	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh khuyết tật	1.979	52	52	148	70	261	408	278	178	26	264	242
16	Bổ sung kinh phí thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua hệ thống bưu điện trên địa bàn tỉnh năm 2020	1.438	159	168	150	137	165	190	103	198	48	54	66
17	Bổ sung kinh phí tăng thêm thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	4.116	573	410	380	355	474	484	358	553	146	182	201
18	Chi công tác viên công tác giảm nghèo ở xã đặc biệt khó khăn	312			5	27	32	43	38	27	38	48	54
19	Hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ động vật tập trung	9.535	9.535										
20	Hỗ trợ kinh phí để hợp đồng lao động bảo vệ rừng tại các Ban quản lý rừng phòng hộ	10.318	230			766	306	153	2.221		1.863	3.159	1.620
21	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	29.850	3.350	2.680	2.460	2.700	3.120	3.300	2.770	3.010	1.910	2.220	2.330
22	Hỗ trợ kinh phí chúc thọ, mừng thọ	4.609	950	711	505	377	248	466	248	671	292	81	60
23	Hỗ trợ lực lượng quản lý dê nhân dân	1.026	113	169	192	68	90	79	79	79	56	45	56
24	Bổ sung kinh phí do chuyển Trạm Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật từ tỉnh sang cho huyện, thị xã, thành phố quản lý	9.573	424	998	1.023	823	955	1.003	687	1.104	696	886	974
25	Hỗ trợ kinh phí hoạt động tăng thêm cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, khu phố	4.879	663	468	436	338	511	720	363	663	209	257	251
26	Hỗ trợ thực hiện quản lý, bảo vệ rừng theo quy định hướng dẫn của Trung ương	5.467							700		567	1.700	2.500
27	Trang bị, ứng dụng công nghệ và cải cách thủ tục hành chính; phần mềm quản lý tài sản công	21.653		353	353	1.835	1.362	1.407	5.381	2.353	2.227	3.081	3.301
28	Hỗ trợ kiến thiết thị chính; chỉnh trang, nâng cấp, phát triển môi trường, cảnh quan các đô thị; quảng bá, phát triển văn hóa - du lịch; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu	174.600	40.000	40.000	11.000	11.000	11.000	11.000	16.000	20.000	4.800	4.800	5.000
29	Hỗ trợ từ nguồn thu ngân sách tỉnh hướng trên địa bàn thị xã An Nhơn tăng thêm để chi đầu tư phát triển (Nghị quyết số 05-NQ/TU của tỉnh ủy)	2.500		2.500									
30	Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi đặc thù của địa phương	4.250			500				1.800				1.950



QUƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Đơn vị			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
A	B	1=2+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ	617.535	486.416	131.119	244.575	187.056	187.056		57.519	57.519		372.960	299.360	299.360		73.600	73.600	
I	Ngân sách cấp tỉnh	617.535	486.416	131.119	244.575	187.056	187.056		57.519	57.519		372.960	299.360	299.360		73.600	73.600	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	617.535	486.416	131.119	244.575	187.056	187.056		57.519	57.519		372.960	299.360	299.360		73.600	73.600	